

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

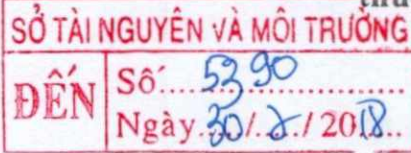
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2018/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí)
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2018-2019**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 50 /TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2018-2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2018-2019

1. Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

TT	Cấp học	Vùng và giá dịch vụ (học phí)		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	52.000	30.000	25.000
2	Trung học cơ sở	40.000	23.000	19.000
3	Trung học phổ thông	52.000	30.000	25.000

Trong đó:

+ Vùng 1: Gồm 6 phường: Quyết Thắng, Thắng Lợi, Thống Nhất, Quang Trung, Duy Tân, Trường Chinh của thành phố Kon Tum.

+ Vùng 2: Gồm 4 phường của thành phố Kon Tum (Ngô Mây, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi) và 6 thị trấn thuộc 6 huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành).

+ Vùng 3: Các xã còn lại và các thôn đặc biệt khó khăn của vùng 2.

- Đối với giáo dục thường xuyên: Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức giá dịch vụ (học phí) tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn (theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 86/2015/NĐ-CP).

2. Đối với giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý

- Chương trình đào tạo đại trà trình độ đào tạo trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Trung cấp	Cao đẳng
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	350	400
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	400	460
3. Y dược	480	540

- Đối với mức giá dịch vụ (học phí) đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun: Được xác định theo quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

- Mức giá dịch vụ (học phí) học lại: Mỗi tín chỉ, mô-đun học lại bằng 50% học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun. Riêng đào tạo nghề bằng 80% giá dịch vụ (học phí) đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun.

- Đối với đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên: Mức giá dịch vụ (học phí) giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo phương thức giáo dục thường xuyên áp dụng mức không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề

đào tạo theo chương trình đào tạo đại trà tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Học phí đối với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác được áp dụng mức thu theo sự thỏa thuận chi phí giữa cơ sở giáo dục và người học (theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng